TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 514/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 7 năm 2024
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Lai.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Chương Dương
2. Ông Phùng Ngọc Toàn
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền -Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa:
Bà Đào Linh Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 255/TLST- HNGĐ ngày 19/04/2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 238/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Ông Phạm Đình T, sinh năm 1951. (có mặt).
Nơi thường trú: Thôn Du La, xã Cẩm Chế, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.
Bị đơn: Bà Khúc Thị H, sinh năm 1957. (có mặt).
Nơi thường trú: Số nhà 31 ngõ 163 đường Hồng Hà, phường Phúc Xá, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/3/2024 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là ông Phạm Đình T trình bày:

Ông và bà Khúc Thị H có tìm H nhau và đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội ngày 27/9/1994.

Sau khi kết hôn ông và bà H về chung sống tại: Tổ 16 làng Mơ Táo, phường Mai Động, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội đến năm 1999 thì chuyển về số nhà 31 ngõ 163 đường Hồng Hà, phường Phúc Xá, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Quá trình chung sống ông và bà H phát sinh mâu thuẫn từ khi chưa có con chung, sau khi có con chung ông và bà H vẫn có mâu thuẫn do tính cách của ông và bà H khác nhau hoàn toàn dẫn đến việc ông và bà H thường xuyên to tiếng, cãi vã, chửi bới. Mâu thuẫn của ông và bà H hai bên gia đình có biết, cũng có hòa giải nhưng không có hiệu quả.

Ông và bà H đã ly thân từ khi bà H mang thai con chung, dù ở chung nhà nhưng ông và bà H đã không còn quan tâm đến nhau nữa.

Đến khoảng năm 2012 ông và bà H mỗi người ở một nơi, ông đã về quê tại Hải Dương sinh sống còn bà H và con trai vẫn ở tại số nhà 31 ngõ 163 đường Hồng Hà, phường Phúc Xá, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Trong suốt thời gian ly thân, ông và bà H ít khi liên lạc, không quan tâm nhau.

Ngày 13/4/2024 ông có gửi cho bà H một đơn thuận tình ly hôn nhưng bà H không đồng ý thuận tình ly hôn vì vậy ông nộp đơn xin ly hôn đơn phương.

Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông không mong muốn kéo dài cuộc sống hôn nhân nữa nên ông làm đơn xin ly hôn bà H.

Đề nghị Toà án cho ông ly hôn bà H. Ông tuổi đã già, không còn tình cảm với bà H nữa nên đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải và xử cho ông ly hôn.

Về con: Ông và bà H có 01 con chung là Phạm Đình Trung, sinh ngày 05/01/2000. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nhà ở chung: Ông và bà H tự giải quyết, do ông tự giải quyết nên ông không kê khai tài sản gồm những gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Ông không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các phiên họp và biên bản ghi lời khai tại Tòa án, bị đơn là bà Khúc Thị H trình bày:

Bà và ông Phạm Đình T có tìm H nhau và đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội ngày 27/9/1994.

Sau khi kết hôn bà và ông T về chung sống tại: Tổ 16 làng Mơ Táo, phường Mai Động, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội đến năm 1999 thì chuyển về số nhà 31 ngõ 163 đường Hồng Hà, phường Phúc Xá, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Quá trình chung sống của bà và ông T ban đầu thì hạnh phúc đến năm 1999 khi bà mang thai con trai đầu thì bà và ông T bắt đầu mâu thuẫn. do ông T có nhiều mối quan hệ ngoài luồng, vì là con trai trong gia đình có nhiều chị em gái, ông T được nuông chiều từ nhỏ và có tính gia trưởng.

Khi bà và ông T kết hôn bà cũng hết lòng chăm sóc ông T, vừa kết hôn được nửa năm ông T bị tạm giữ, bà đã cứu ông T ra, dù được bà giúp đỡ nhiều nhưng ông T vẫn không thay đổi. Sau khi bà sinh con ông T không quan tâm đến bà và con chung, ông T không có trách nhiệm trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung do đó khoảng cách của vợ chồng ngày càng xa, ông T luôn ép buộc bà từ thể chất và tinh thần. Vì đây là mâu thuẫn cá nhân của bà và ông T nên bà giấu không cho người thân trong gia đình và mọi người xung quanh biết, dù bà không nói ra nhưng hiện nay mọi người nhà ông T đều nhận ra mâu thuẫn của bà và ông T.

Năm 2018 bà và ông T ly thân, ông T thường xuyên vắng nhà, khoảng nửa năm, tám tháng mới về một lần, ông T đã thường xuyên về quê tại Hải Dương sinh sống, sau khi mẹ ông T mất thì ông T về ở luôn tại Hải Dương và thuê người chăm sóc. Bà và con trai vẫn ở tại số nhà 31 ngõ 163 đường Hồng Hà, phường

Phúc Xá, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, đây là nhà chung của bà và ông T. Trong suốt thời gian ly thân, bà và ông T ít khi liên lạc, chỉ có bà về quê ông T và mang thuốc thang cho ông T còn ông T không chủ động quan tâm bà. Hiện nay bà đang bị bệnh tim và thường xuyên phải đi viện điều trị tại Viện Tim Hà Nội và Bệnh Viện Hòe Nhai nhưng ông T cũng không quan tâm chăm sóc, hay thuốc thang cho bà.

Ngày 13/4/2024 ông T có gửi cho bà một đơn thuận tình ly hôn nhưng bà không ký vì bà không thuận tình ly hôn, mặt khác thời gian đó ông T đang bị bệnh K đại tràng, bà thì đang bị bệnh tim, phải chăm lo cho sức khỏe và mẹ ruột của ông T cũng mới mất được vài tháng nên bà chưa nghĩ đến chuyện này.

Nay ông T xin ly hôn đơn phương, bà xác định bà và ông T không còn tình cảm vợ chồng nhưng bà vẫn còn tình nghĩa vợ chồng, nay ông T đang bị bệnh bà vẫn mong chăm sóc ông T cho tròn tình nghĩa vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung là Phạm Đình Trung, sinh ngày 05/01/2000. Con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung vợ chồng: Bà và ông T có một số tài sản chung nhưng bà không đồng ý ly hôn nên bà cũng không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại phiên tòa:

Ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà H.

Bà H trình bày: Bà chung sống với ông T vừa không có tiền vừa không có tình cảm, nay bà xác định không còn tình cảm với ông T nhưng bà không đồng ý ly hôn vì con bà chưa lập gia đình, một phần vì gia đình họ hàng, bà sợ mang tiếng là bỏ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy mâu thuẫn vợ chồng ông T và bà H đã trầm T, hai bên đã sống ly thân nhiều năm nay, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T, cho ông T ly hôn bà H.

Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Ông T phải chịu án phí theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Phạm Đình T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Phạm Đình T và bà Khúc Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội ngày 27/9/1994. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông T và bà H không có tiếng nói chung, hai bên đã sống ly thân từ nhiều năm nay.

Ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn bà H.

Bà H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình nghĩa vợ chồng và vì con bà chưa lập gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần báo ông T và bà H đến Tòa án để tiến hành hòa giải. Tuy nhiên ông T và bà H vẫn không tìm được tiếng nói chung, ông T vẫn kiên quyết xin ly hôn với bà H.

Xét thấy, cuộc hôn nhân của ông T và bà H không có khả năng hàn gắn, mâu thuẫn đã trầm T, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho ông T ly hôn bà H.

Về con chung: Ông T và bà H có 01 con chung là Phạm Đình Trung, sinh ngày 05/01/2000. Con chung đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản và nhà ở: Ông T, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về nợ: Ông T và bà H xác nhận không nợ ai và không cho ai vay, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về án phí: Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Ông T, bà H có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56, 58; 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng các Điều 28; 144; 147; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1, Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Phạm Đình T.

Ông Phạm Đình T ly hôn bà Khúc Thị H.

2, Về con chung: Ông Phạm Đình T và bà Khúc Thị H có 01 con chung là Phạm Đình Trung, sinh ngày 05/01/2000. Con chung đã trưởng thành Tòa án không xem xét.

3, Về tài sản và nhà ở: Ông Phạm Đình T và bà Khúc Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4, Về nợ: Ông Phạm Đình T và bà Khúc Thị H xác nhận không nợ ai và không cho ai vay, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

5, Về án phí: Ông Phạm Đình T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận ông T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005204 ngày 17/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình.

Ông Phạm Đình T và bà Khúc Thị H có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND quận Ba Đình;
- Chi cục THA DS quận Ba Đình;
- TAND TP. Hà Nội;
- UBND phường Quỳnh Lôi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký